**HUYỆN PHỤNG HIỆP**

**PHỤ LỤC BÁO CÁO SỐ LIỆU**

**Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 07/9/2009**

**của Ban Bí thư Trung ương Đảng về *“Đẩy mạnh công tác bảo hiểm y tế trong tình hình mới”***

**-----**

**I. Công tác triển khai quán triệt, tổ chức thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW**

**1. Tình hình quán triệt các văn bản tại các cấp (ghi tỷ lệ % vào ô tương ứng)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đơn vị** | **Chưa****quán****triệt** | **Đã****quán****triệt** | **Đối tượng quán triệt** | **Phương thức quán triệt** |
| ***Cán bộ chủ chốt*** | ***Đảng viên từng chi bộ*** | ***Học tập chuyên đề độc lập*** | ***Lồng ghép với các chuyên đề khác*** | ***Lồng vào cuộc họp chi bộ*** | **Khác (ghi rõ)** |
| **Cấp huyện** |  | 99,77% | X | X |  | X | X |  |

**2. Kết quả ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW từ 2009 đến nay *(thống kê đầy đủ các văn bản đã ban hành)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Cơ quan ban hành** | **Tên văn bản** | **Ngày ban hành** |
| **I** | **Cấp huyện**  |  |  |
| 1 | Huyện ủy | * Chương trình số 35-CTr/HU thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW *“Về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giai đoạn 2012 - 2020”.*
* Công văn số 515-CV/HU “Về *việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế”.*

 - Chỉ thị số 02-CT/HU về việc *“Tăng* *cường công tác tuyên truyền, vận động thực hiện chính sách bảo hiểm y tế, nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện Phụng Hiệp năm 2015”.** Chỉ thị số 06-CT/HU *“Về* *việc tăng cường công tác tuyên truyền, vận động thực hiện chính sách bảo hiểm y tế, nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn”.*

 - Công văn số 334-CV/HU *“Về* *việc tăng cường thực hiện chính sách bảo hiểm y tế năm 2018”.* *-* Công văn số …-CV/HU *“Về việc tăng cường vận động Nhân dân tham gia các hình thức bảo hiểm năm 2020.* *- Công văn số 132-CV/HU về việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp năm 2021* *- Công văn số 241-CV/HU về việc chỉ đạo phối hợp thực hiện vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội tự nguyện năm 2022.* *- Công văn số 513-CV/HUV/v chỉ đạo phối hợp thực hiện vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội tự nguyện năm 2023* | 10/4/201319/9/201416/6/201514/3/201715/3/2018 …/8/202005/10/2021 27/5/202227/11/2023 |
| 2 | HĐND huyện | Ban hành nghị quyết hàng năm |  |
| 3 | UBND huyện | * Công văn về việc tăng cường công tác bảo hiêm y tế nhân dân.
* Công văn về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 27/2/2012 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc tăng cường thực hiện Luật Bảo hiểm xã hội và Luật Bảo hiểm y tế.
* Công văn về việc tham gia bảo hiểm y tế cho cán bộ không chuyên trách xã, ấp, dân quân tự vệ, công an viên, Phó chủ tịch Hội chữ thập đỏ và các chức danh đoàn thể ở ấp.
* Công văn số 377/UBND về *“Tăng cường công tác thu bảo hiểm y tế và hộ cận nghèo 2012”.*
* Quyết định về việc thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành đối với đơn vị sử dụng lao động năm 2012.
* Chương trình thực hiện Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 27/2/2012 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc tăng cường thực hiện Luật Bảo hiểm xã hội và Luật Bảo hiểm y tế.
* Kế hoạch số 47/KH-UBND về *“Vận động nhân dân, người cận nghèo tham gia bảo hiểm y tế 2012”.*
* Công văn triển khai Quyết định số 797/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ.
* Quỵết định số 4963/QĐ-UBND *“Thành lập đoàn kiểm tra chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế năm 2012".*
* Công văn số 971/UBND về *“Tăng cường công tác thu bảo hiểm y tế học sinh”.*
* Công văn về việc tổng kiểm tra, rà soát việc cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng được ngân sách nhà nước đóng, hồ trợ tiền đóng bảo hiểm y tế.
* Kế hoạch số 50/KH-UBND về *“Triển khai công tác thu bảo hiểm y tế năm 2013”.*
* Kế hoạch số 53/KH-UBND về *“Thực hiện Chương trình của Huyện ủy về tăng cường sự lãnh đạo củaa Đảng đối với công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giai đoạn 2012 - 2020”.*
* Công văn về việc báo cáo số liệu, đổi tượng người thuộc hộ gia đình cận nghèo để thực hiện Quyết định 705/QĐ-TTg ngày 08/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ.
* Kế hoạch số 359/KH-UBNDT riển khai công tác thu bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội tự nguyện năm 2019
* Kế hoạch số 526/KH-UBND Triển khai công tác thu bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội tự nguyện năm 2019
* Kế hoạch số 811/KH-UBND về Phát động phong trào thi đua vận động đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế
* Công văn số 2386/UBND-VX V/v tăng cường chỉ đạo thực hiện công tác bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học2019-2020 và các năm tiếp theo
* Kế hoạch số 2941/KH-UBND Phát động phong trào thi đua nước rút vận động đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế
* Kế hoạch số 542/KH-UBND Phát động phong trào thi đua vận động đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế
* Kế hoạch số 68/KH-UBND Phát động phong trào thi đua Vận động đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp năm 2021
* Kế hoạch số 34/KH-UBND Triển khai công tác thu bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội tự nguyện năm 2021
* Công văn số 2359/UBND-VX V/v tiếp tục tăng cường thực hiện Bảo hiểm y tếhọc sinh năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo
* Kế hoạch số 216/KH-UBND Phát động phong trào thi đua nước rút vận động đối tượng tham gia Bảo hiểm xã hộitự nguyện, Bảo hiểm y tế
* Kế hoạch số 75/KH-UBND Phát động phong trào thi đuavận động người dân tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,bảo hiểm thất nghiệp năm 2022
* Kế hoạch số 81/KH-UBND Giao chỉ tiêu tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện Phụng Hiệp năm 2022

 - Công văn số 1678/UBND-VX V/v tiếp tực tăng cường thực hiện vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội tự nguyện năm 202 - Kế hoạch số 251/KH-UBND về Phát động phong trào thi đua nước rút vận động đối tượng tham gia Bảo hiểm xã hội tự nguyện, Bảo hiểm y tế - Công văn số 695/UBND-VX V/v đẩy mạnh triển khai khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế bằng căn cước công dân, ứng dụng VNeID* Kế hoạch số 114/KH-UBND về Phát động phong trào thi đua phát triển người dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện Phụng Hiệp năm 2023
* Công văn số 1514/UBND-VX V/v tăng cường truyền thông về chính sách, pháp luật BHYT và kỷ niệm Ngày bảo hiểm y tế Việt Nam ngày 01 tháng 7 năm 2023
* Công văn số 2047/UBND-VX V/v cập nhật, bổ sung số định danh cá nhân/Căn cước công dân của người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế
* Kế hoạch số 243/KH-UBND về Phát động phong trào thi đua cao điểm phát triển người tham gia Bảo hiểm xã hội tự nguyện, Bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện Phụng Hiệp năm 2023
* Công văn số 2558/UBND-VX V/v triển khai Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 20/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ

 - Công văn số 2853/UBND-VX V/v thực hiện vận động Nhân dân tham gia bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội tự nguyện năm 2023 | 25/7/201108/3/202130/3/201202/5/201204/6/201205/7/201220/7/201221/9/201203/10/201230/01/201321/5/201322/5/201307/6/2013 15/8/2013

|  |
| --- |
| 21/2/201912/3/201903/4/201916/8/201916/12/202002/3/202005/4/202103/3/202117/9/202119/11/202107/4/202213/4/2022 20/9/2022 26/9/2022 |

31/3/202319/4/202323/6/202324/8/202325/8/202324/10/202306/12/2023 |

 **2. Hoạt động kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW *(đánh dấu X hoặc điền thông tin vào ô tương ứng)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|   | **Kiểm tra/ Giám sát** | **Sơ kết, tổng kết** |  |
| **Không** | **Có, nêu rõ hình thức** | **Không** | **Có, nêu rõ định kỳ** |  |
| **5** **năm** | **10 năm** | **15****năm** | **Khác** |
| Huyện ủy |  |  Khảo sát X |  | X | X | X | ……… |
| HĐND cấp huyện  |  |  …………………..…………………………. |  |  |  |  | ………. |
| UBND cấp huyện |  |  …………………..…………………………. |  |  |  |  | ………. |
| Trung tâm Y tế huyện  |  |  …………………..…………………………. |  |  |  |  | ………. |
| Bảo hiểm xã hội huyện |  |  Kiểm tra chuyên đềX |  |  |  |  | ……… |
| Các ban, ngành, đoàn thể xã hội liên quan khác |  |  …………………..…………………………. |  |  |  |  | ……… |
| Cấp xã, thị trấn |  | X Kiểm tra thường xuyên |  |  |  |  | ………. |

**3. Những mô hình hay, cách làm sáng tạo trong thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên mô hình** | **Cách thức thực hiện** | **Hiệu quả, tác động** |
| 1 | Ấp vận động 100% người dân tham gia BHYT | Khối Vận Đảng ủy xã, trấn phối hợp các ban ngành, đoàn thể vận động người dân | Người dân nhiều ấp trên địa bàn huyện tham gia BHYT đạt 100% |
| 2 | Vận động 100% hội viên tham gia BHYT của các đoàn thể xã, thị trấn | Các đoàn thể vận động hội viên tham gia BHYT | Hội viên nhiều đoàn thể tích cực tham gia BHYT đạt 100% |
| 3 | Tương trợ giúp nhau mua BHYT của Hội Phụ nữ thị trấn Kinh Cùng | Tuyên truyền vận động hội viên phụ nữ góp tiền tiết kiệm mua BHYT xoay vòng cho các chị hội viên | Giúp chị em chị hội viên mua được BHYT |

**II. Kết quả thực hiện**

1. **Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế (giai đoạn 2009 - 2024)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tỷ lệ bao phủ BHYT** | **2009 - 2014** | **2015 - 2019** | **2020 - 2024** |
| 1 | Tổng số người dân tham gia BHYT | 138,995 | 162,898 | 175,491 |
| 2 | Tỷ lệ người dân tham gia BHYT/ tổng dân số | 71,49% | 86,64% | 93,87% |
| 3 | Tổng số hộ gia đình tham gia BHYT |  |  |  |
| 4 | Tỷ lệ hộ gia đình tham gia BHYT/Tổng số hộ gia đình |  |  |  |

1. **Sự tham gia bảo hiểm y tế của từng đối tượng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Các loại BHYT** | **2009 - 2014** | **2015 - 2019** | **2020 - 2024** |
| 1 | Số người tham gia BHYT theo các nhóm đối tượng | **126,254** | **151,479** | **149,439** |
| - | Nhóm do người lao động và người sử dụng lao động đóng | 4,670 | 4,254 | 4,403 |
| - | Nhóm do cơ quan BHXH đóng | 76 | 623 | 861 |
| - | Nhóm do ngân sách Nhà nước đóng | 72,906 | 90,868 | 44,006 |
| - | Nhóm do ngân sách Nhà nước hỗ trợ mức đóng | 38,465 | 32,759 | 52,288 |
| - | Nhóm tham gia BHYT hộ gia đình | 10,137 | 22,975 | 47,881 |
| 2 | Tỷ lệ người tham gia BHYT theo các nhóm đối tượng tham gia BHYT trên tổng số người tham gia BHYT (%) |  |  |  |
| - | Nhóm do người lao động và người sử dụng lao động đóng | 3.70% | 2.81% | 2.95% |
| - | Nhóm do cơ quan BHXH đóng | 0.06% | 0.41% | 0.58% |
| - | Nhóm do ngân sách Nhà nước đóng | 57.75% | 59.99% | 29.45% |
| - | Nhóm do ngân sách Nhà nuớc hỗ trợ mức đóng | 30.47% | 21.63% | 34.99% |
| - | Nhóm tham gia BHYT hộ gia đình | 8.03% | 15.17% | 32.04% |
| 3 | Tỷ lệ người nghèo được cấp thẻ BHYT/tổng số người nghèo (%) | 100% | 100% | 100% |
| 4 | Tỷ lệ người hưởng chính sách xã hội được câp thẻ BHYT/tổng số người hưởng chỉnh sách xã hội (%) | 100% | 100% | 100% |
| 5 | Tỷ lệ người cận nghèo được cấp thẻ BHYT/tổng số người cận nghèo (%) | 100% | 100% | 100% |
| 6 | Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được cểp thẻ BHYT/tổng số trẻ em dưới 6 tuổi (%) | 100% | 100% | 100% |
| 7 | Tỷ lệ người trên 80 tuổi được cấp thẻ BHYT/tổng số người trên 80 tuổi (%) | 100% | 100% | 100% |
| 8 | Tỷlệ học sinh, sinh viên tham gia BHYT/tổng số học sinh, sinh viên (%) | 96% | 100% | 100% |

1. **Khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Khám, chữa bệnh BHYT** | **2009 - 2014** | **2015 - 2019** | **2020 - 2024** |
| I | Số lượt khám, chữa bệnh BHYT |
| 1 | Tổng số lượt khám, chữa bệnh BHYT |  |  |  |
| - | Tuyến huyện | 20,441 | 216,686 | 161,670 |
| - | Tuyến xã |  |  |  |
| 2 | Tổng số lượt khám, chữa bệnh BHYT nội trú |  |  |  |
| - | Tuyến huyện | 5,917 | 8,659 | 9,921 |
| - | Tuyến xã |  |  |  |
| 3 | Tổng số lượt khám, chữa bệnh BHYT ngoại trú | 14,524 | 208,027 | 151,749 |
| - | Tuyến huyện |  |  | 66,848 |
| - | Tuyến xã |  |  |  |
| II | **Cơ sở khám, chữa bệnh BHYT** |
| 1 | Tổng số cơ sở khám, chữa bệnh BHYT* Cơ sở y tế nhà nước:
* Cơ sở y tế tư nhân:
 |  |  |  |
| 4 | Tổng số cơ sở khám, chữa bệnh BHYT tuyến huyện | 1 | 1 | 1 |
| 5 | Tổng số cơ sở khám, chữa bệnh BHYT tuyến xã | 15 | 15 | 15 |

**4. Chi bảo hiểm y tế cho hoạt động khám, chữa bệnh**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Số chi BHYT** | **2009 - 2014** | **2015 - 2019** | **2020 - 2024** |
| 1 | Tổng chi khám, chữa bệnh BHYT | 14,856,893,693 | 26,212,152,451 | 25,815,851,779 |
| 2 | Trong đó: |  |  |  |
| - | Chi cho khám, chữa bệnh ngoại trú | 11,459,517,633 | 17,462,652,410 | 11,546,561,280 |
| - | Chi cho khám, chữa bệnh nội trú | 3,397,376,060 | 8,749,500,041 | 14,269,290,499 |
| - | Chi tiền dịch vụ kỹ thuật |  |  |  |
| - | Chi tiền thuốc |  |  |  |
| - | Chi tiền vật tư y tế |  |  |  |
| - | Chi tiền khám bệnh và ngày giường nội trú |  |  |  |

**5. Số thu - chi Quỹ Bảo hiểm y tế**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Số thu Quỹ BHYT** | **2009 - 2014** | **2015 - 2019** | **2020 - 2024** |
| 1 | Tổng số thu BHYT | 30,051,854,840 | 145,555,036,185 | 176,525,251,428 |
| 2 | Tổng thu BHYT so với kế hoạch được giao (tỷ lệ %) | 103,09% | 102% | 104.57% |
| 3 | Tổng số chi khám chữa bệnh BHYT | 14,856,893,693 | 26,212,152,451 | 25,815,851,779 |
| 4 | Tổng chi khám chữa bệnh BHYT so với dự toán được giao (tỷ lệ %) |  | 91.60% | 93.51% |

**6. Bộ máy tổ chức về bảo hiểm y tế**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bộ máy tổ chức về BHYT** | **2009 - 2014** | **2015 - 2019** | **2020 - 2024** |
| **I** | **Ngành Y tế** |  |  |  |
| 1 | Số nhân lực làm BHYT |  |  |  |
| - | Tại Y tế cấp huyện |  |  | 1 |
| 2 | Số thanh tra chuyên ngành về BHYT |  |  |  |
| - | Tại Y tế cấp huyện |  |  |  |
| **II** | **Ngành BHXH** |  |  |  |
| 1 | Số nhân lực làm BHYT |  |  |  |
| - | Tuyến huyện | 9 | 16 | 17 |
| 2 | Trình độ chuyên môn |  |  |  |
| - | Số nhân lực có trình độ đạỉ học và trên đại học/tổng số nhân lực làm BHYT | 9 | 14 | 14 |
| - | Số nhân lực có trình độ chuyên môn về tài chính, kinh tế, bảo hiểm | 9 | 13 | 14 |
| - | Số nhân lực có trình độ chuyên môn về y, dược |  |  |  |
| - | Số lượng giám định viên BHYT | 1 | 1 | 1 |
| - | Số giám định viên là bác sỹ |  |  |  |